



NGHỆ AN TRONG VIỆC XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN MỐI QUAN HỆ NGOẠI GIAO VÀ KINH TẾ giữa VIỆT NAM - NHẬT BẢN thời trung đại (kỳ 1)

□ TRẦN MẠNH CƯỜNG*

Nhìn lại lịch sử các nước “Đồng văn” chúng ta nhận thấy rằng: so với các nước đồng văn khác, Việt Nam và Nhật Bản có mối quan hệ hữu nghị vững bền hơn, sâu sắc hơn, bởi nó không phải là quan hệ thiên triều - phiên thần như Trung Hoa và Đại Việt, cũng không phải mối quan hệ cùng triều cống cho Trung Hoa như Triều Tiên và Đại Việt, mà mối quan hệ Việt - Nhật được xây dựng nên từ những sự kiện về ngoại giao và đặc biệt là mối quan hệ giao lưu về kinh tế - văn hoá. Mối quan hệ này không phải mới chỉ bắt đầu vào thời hiện đại mà nó đã có cơ sở rất lâu từ thời phong kiến mà nổi bật nhất là thời kỳ “Châu ấn thuyền” của nước Nhật Bản nửa đầu thế kỷ XVII, trong đó, mảnh đất Nghệ An là nơi đặt nền móng và để lại một dấu son rực rỡ trong mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp đó.

* Trung tâm KHXH&NV Nghệ An

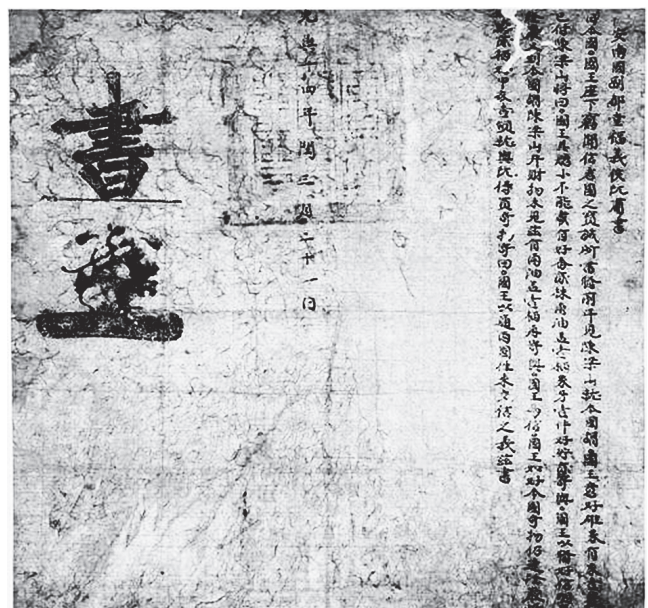
Vào thời cận hiện đại, chí sĩ xứ Nghệ Phan Bội Châu tổ chức phong trào Đông Du mục đích kêu gọi thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập, chuẩn bị lực lượng chờ thời cơ cho việc giành lại độc lập cho nước nhà. Mặc dù chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian ngắn, nhưng phong trào Đông du được coi là một trong những phong trào yêu nước mạnh mẽ nhất của nhân dân Việt Nam đầu thế kỷ 20 và đặc biệt nhiều thanh niên du học của trào lưu này đã trở thành những hạt nhân của các phong trào cách mạng tiếp theo trong công cuộc giải phóng dân tộc. Trong những năm gần đây, mối quan hệ giữa Nhật Bản với Việt Nam nói chung, Nghệ An nói riêng đang phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Đã có ý kiến đề xuất Nghệ An cần tiến hành cuộc “Đông du 2.0”. Trong những năm qua, tỉnh Nghệ An nhiều lần đón tiếp phái đoàn vương quốc Nhật Bản sang thăm và làm việc tại tỉnh nhà. Phải kể đến những sự kiện nổi bật như: ngày 10/6/2013, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Nghệ An và Hội hữu nghị Việt-Nhật tổ chức khai mạc “Tuần lễ văn hóa Nhật Bản tại Nghệ An” nhân kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản (1973-2013) và năm hữu nghị Việt-Nhật 2013; ngày 13/8/2014, Đoàn công tác Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam do ngài Hiroshi Fukada - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Nhật Bản tại Việt Nam làm trưởng đoàn đã đến thăm và làm việc tại Nghệ An. Ngày 12/11/2014, ngài Atsuki Tomoyose - Bí thư thứ hai Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam dẫn đầu đoàn công tác đã thăm và làm việc tại Nghệ An để tìm hiểu các chính sách nông nghiệp và giới thiệu với các nhà đầu tư Nhật Bản các cơ hội đầu tư. Ngày 14/11/2014, bà Suzuky Mari, Trưởng ban thực hiện lễ hội Sakura Nhật Bản đã trao tặng 20 cây anh đào cho Quảng trường Hồ Chí Minh... Đặc biệt trong nhiều năm nay, trong số các dự án đầu tư của nước ngoài tại Nghệ An,

Nhật Bản là nhà đầu tư quan trọng, đứng vị trí số một, với nhiều dự án đầu tư có giá trị lớn; Nghệ An cũng đang hợp tác với Công ty Nekken Sekkei Civil Engineering Ltd lập quy hoạch tổng thể thành phố Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và hợp tác với Công ty Xây dựng cảng biển Nhật Bản để thiết kế cảng nước sâu Cửa Lò. Ngoài những hoạt động trên còn phải kể tới những cuộc diên dã của các nhà nghiên cứu lịch sử - văn hoá Nhật Bản trên địa bàn tỉnh. Qua đây cũng đủ để nhận ra 1 điều rằng mối quan hệ Việt Nam - Nhật Bản nói chung và Nghệ An - Nhật Bản nói riêng trong những năm gần đây ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Tất cả những mối quan hệ tốt đẹp đó có nguồn gốc lịch sử xa xưa từ hàng mấy trăm năm trước.

Từ bức quốc thư ngoại giao đầu tiên giữa hai nước do một người Nghệ gửi tới Nhật Hoàng

Giữa tháng 4 năm 2014, báo chí tại Nhật Bản đưa tin về việc: Bảo tàng quốc gia Kyushu ở thành phố Saifu, tỉnh Fukuoka tuyên bố vừa tìm thấy bức thư cổ nhất của vương quốc An



Bức thư ngoại giao đầu tiên giữa Việt Nam và Nhật Bản hiện lưu giữ tại Bảo tàng Kyushu Nhật Bản

Nam (Việt Nam) gửi đến Nhật Bản⁽¹⁾. Theo tin đã đưa, bức thư có chiều rộng 33,3cm và chiều dài 34,9cm, gồm 179 chữ Hán viết trên giấy dó. Mặc dù trải qua 423 năm nhưng chữ viết vẫn còn rõ nên chúng tôi rất thuận lợi trong việc tiếp cận văn bản này. Trước đây, theo các học giả Nhật Bản thì bức quốc thư do Thụy Quốc công Nguyễn Phúc Nguyên gửi cho Đức Xuyên Gia Khang (Tokugawa Ieyasu) vào năm Hoàng Định thứ 2 (1601) được xem là bức quốc thư ngoại giao đầu tiên giữa hai nước Việt Nam và Nhật Bản. Bức quốc thư nói trên có niên đại “Quang Hưng thập tứ niên nhuận tam nguyệt nhị thập nhất nhật” tức là “Ngày 21 tháng Ba nhuận, niên hiệu Quang Hưng thứ 14” (năm 1591) sớm hơn bức thư của Thụy Quốc công đến 10 năm. Như vậy, đây chính là bức quốc thư ngoại giao sớm nhất giữa Việt Nam và Nhật Bản, tính tới thời điểm hiện tại. Và điều đáng chú ý nhất chính là phần ghi về tác giả của bức thư: “An Nam quốc Phó đô đường Phúc Nghĩa hầu Nguyễn” nghĩa là: “Quan Phó Đô đường nước An Nam là Phúc Nghĩa hầu họ Nguyễn”. *Vậy, vị quan Phó Đô đường họ Nguyễn có tước hiệu là Phúc Nghĩa hầu là ai?*

Bức quốc thư của nước ta gửi sang Nhật Bản được viết bằng chữ Hán bởi đây là thứ chữ được sử dụng chính thức tại Trung Hoa, Việt Nam, Hàn Quốc (Tiêu Tiên) và Nhật Bản dưới thời phong kiến. Tuy không cùng tiếng nói, nhưng cả 4 nước đều sử dụng chữ Hán nên không lạ khi những trí thức các nước kể trên thường dùng phương thức “bút đàm” (viết chữ Hán ra giấy) để giao tiếp với nhau hay

những sứ giả nước ta và sứ giả Triều Tiên thường viết tặng nhau những bài thơ chữ Hán. Trước hết, để tiện theo dõi, chúng tôi xin được ghi lại nguyên văn (cùng phiên âm) và dịch bức quốc thư này ra tiếng Việt như sau:

Nguyên văn:

安南國副都堂福義侯阮肅書于日本國國王座下竊聞信者國之寶誠所當脩前年見陳梁山就本國謂國王意好雄象有象壹隻已付陳梁山將回國王其體小不能載有好香貳株雨油壹柄象牙壹件好紵貳匹寄與國王以脩好信明年隆巖又到本國謂陳梁山并財物未見茲有雨油壹柄再寄與國王為信國王如好本國奇物仍遣隆巖將好劍貳柄好甲衣壹領就與阮得買奇物寄回國王以通兩國往來交信之義茲書

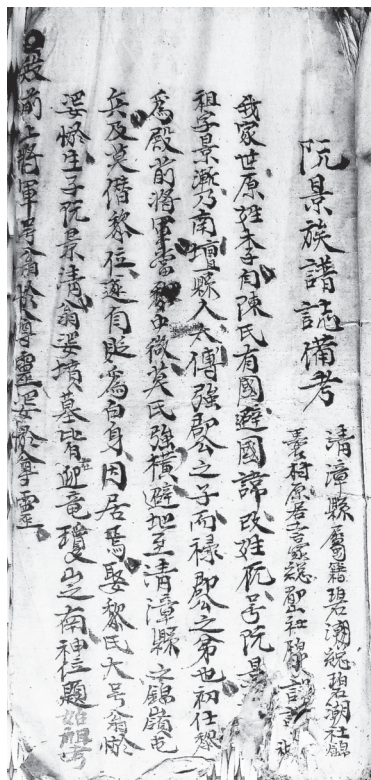
光興十四年閏三月二十一日

Phiên âm:

An Nam quốc Phó đô đường Phúc Nghĩa hầu Nguyễn túc thư vu: Nhật Bản quốc quốc vương toà hạ. Thiết văn: tín giả, quốc chi bảo, thành sở đương tu. Tiên niên, kiến Trần

Lương Sơn tộ bản quốc vị quốc vương ý hiếu hùng tượng. Hữu tượng nhất chích dĩ phó Trần Lương Sơn tương hồi quốc vương, kỳ tào tiểu bát năng tải. Hữu hảo hương nhị chu, vũ du cái nhất bình, tượng nha nhất kiện, hảo trữ nhị thất kí dữ quốc vương dĩ tu hiếu tín. Minh niên, Long Nham hựu đảo bản quốc vị Trần Lương Sơn tịnh tài vật vị kiến. Tư hữu vũ du cái nhất bình, tái kí dữ quốc vương vi tín. Quốc vương như hiếu bản quốc kì vật, nhưng khiển Long Nham tương hảo kiểm nhị bình, hảo giáp y nhất lãnh tộ dữ Nguyễn đặc mãi kì vật kí hồi. Quốc vương dĩ thông lưỡng quốc vãng lai giao tín chi nghĩa. Tư thư.

Quang Hưng thập tứ niên nhuận tam nguyệt nhị thập nhất nhật



Trang đầu của cuốn "Nguyễn Cảnh tộc phả chí bị khảo"

Dịch nghĩa:

(Tước hiệu) Phúc Nghĩa hầu (họ) Nguyễn (giữ chức) Phó đô đường nước An Nam kính thư đến Quốc vương tòa hạ⁽²⁾ nước Nhật Bản. Tôi trộm nghe rằng: chữ tín là báu vật của quốc gia, thật đáng phải vun đắp. Năm ngoái, tôi gặp Trần Lương Sơn (tên 1 người Nhật) đến đất nước chúng tôi và bảo rằng Quốc vương có ý thích loại voi chiến. Tôi có 1 con voi, bèn giao cho Trần Lương Sơn đem về tặng Quốc vương, nhưng vì tàu nhỏ nên không thể chở được. Tôi liền lấy 2 cây trầm hương tốt, 1 cái lọng che mưa, 1 kiện ngà voi và 1 tập vải gai gửi tới Quốc vương để vun đắp lòng hiếu tín. Năm sau, Long Nham (tên 1 người Nhật) lại tới đất nước chúng tôi và nói rằng Quốc vương chưa thấy Trần Lương Sơn và những tài vật (kể trên). Vậy nay, tôi có 1 cái lọng che mưa, lại gửi đến Quốc vương để giữ chữ tín. Nếu như Quốc vương thích các vật lạ của đất nước chúng tôi thì hãy sai Long Nham đem 2 thanh gươm tốt, 1 bộ áo giáp tốt gửi cho người họ Nguyễn đã mua được các vật lạ (ở Nhật Bản) để ông ấy đưa về. Đây là Quốc vương đã mở ra cái nghĩa giao tín qua lại giữa hai nước rồi vậy. Nay thư!

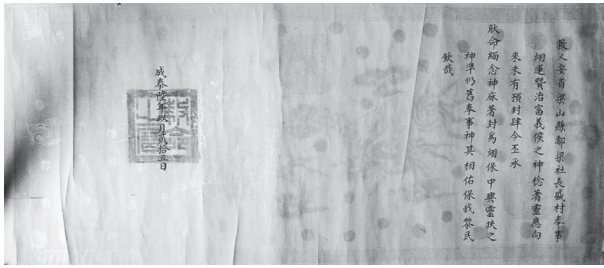
Ngày 21, nhuận tháng 3 niên hiệu Quang Hưng thứ 14

Bức quốc thư viết vào năm Quang Hưng thứ 14, tương đương Công lịch năm 1591. Nước ta lúc bấy giờ đang là triều vua Lê Thế Tông, còn tại Nhật Bản là thời kỳ Azuchi-Momoyama, Thiên hoàng Go-Y-zei 後陽成天皇 (Hậu Dương Thành Thiên Hoàng).

Ngay từ dòng đầu tiên, bức quốc thư ghi rõ chức quan của người gửi là “Phó Đô đường”, đây là chức “phó” của chức Đô đường hoặc Đại đô đường - Chức quan này xuất hiện trong các bức thư của “Đô Đường Quan Văn Lý Hầu” gửi sang Nhật Bản ngày 13 tháng 5 năm Hoàng Định thứ 11, hay như trong bức thư Quảng Phú hầu Nguyễn Cảnh Hà gửi Quốc vương

Nhật Bản ngày 20 tháng 2 năm Hoàng Định năm thứ 11 cũng có nhắc tới việc Đại Đô đường Thư Quận công cứu vớt và nuôi dưỡng các thương nhân Nhật Bản trong vụ đắm thuyền tại cửa biển Đan Thai (Cửa Hội). Chức Đô đường này tương đương với chức Tổng đốc hoặc Tuần phủ, tức chức quan đứng đầu 1 vùng hành chính. Bức thư này do Phó Đô đường viết, như vậy một phần khẳng định bức thư này gửi sang Nhật Bản từ phía chính phủ Lê Trịnh (tức chính quyền Đàng Ngoài sau này) chứ không phải từ Tổng trấn tướng quân kiêm quản Thuận - Quảng (tức chính quyền Đàng Trong sau này). Bởi, thư từ ở Đàng Trong phải do chính Chúa Nguyễn thực hiện, trong khi ở Đàng Ngoài, nhiều quan chức dưới quyền Chúa Trịnh cũng được phép thư từ qua lại với Nhật Bản. Tại Đàng Trong, chỉ có 2 người có thể gửi thư bang giao với ngoại quốc đó là vị Tổng trấn (chúa) và Trấn thủ Quảng Nam (chức này thường gắn với con trai Chúa Nguyễn - người sẽ kế vị ngôi chúa). Còn tại Đàng Ngoài, những nơi nào có thương cảng quốc tế, có khách buôn nước ngoài đến buôn bán thì vị quan giữ chức vụ quan trọng tại địa phương đó vẫn được phép viết thư bang giao.

Bức thư ghi rõ tước hiệu và họ của người viết là “Phúc Nghĩa hầu họ Nguyễn...”. Theo văn phong xưa, khi giao thiệp qua lại bằng hình thức văn thư, người viết không ghi trực tiếp, rõ ràng tên chữ và tên húy của mình. Bức quốc thư này cũng vậy, tác giả bức thư không đề rõ tên (danh) mà chỉ viết tước hiệu cùng với họ (tính) của mình. Điều này vốn được mặc định, nên khá bình thường trong văn phong thời phong kiến, song lại khiến cho việc xác định danh tính đầy đủ của giới nghiên cứu hiện nay gặp nhiều khó khăn. Ấy là chưa kể việc trùng lặp các tước hiệu giữa những người khác nhau, như: đều là Xuân Quận công (XQC), có ít nhất 3 vị là XQC Ngô Trí Hoà, XQC Nguyễn Nghiễm, XQC Tôn Thất Xuân; đều là Tấn Quốc công (TQC) có ít nhất 2 vị là



Sắc phong niên hiệu Thành Thái thứ 6 cho Phú Nghĩa hầu dòng họ Nguyễn Cảnh.

TQC Trịnh Bính và TQC Nguyễn Cảnh Hoan; Đều là Phú Quận công (PQC) có ít nhất 2 vị là PQC Trịnh Căn và PQC Hoàng Nghĩa Lương; đều là Đoan Quận công có ít nhất 2 vị là ĐQC Nguyễn Hoàng, ĐQC Bùi Thế Đạt; đều là Liêm Quận công có ít nhất 2 vị là LQC Trần Tịnh và LQC Nguyễn Quý Đức; đều là Đắc Lộc hầu (ĐLH) có ít nhất 2 vị là ĐLH Nguyễn Đình Đắc (thời vua Nguyễn) và ĐLH - Thái giám ty Lễ giám (thời chúa Nguyễn)... Tuy nhiên, điều khác biệt để nhận biết đó là tuy có cùng tước hiệu nhưng họ tên và thời đại của các nhân vật thì khác nhau rất rõ. Vì vậy, người thảo bút quốc thư này chắc chắn phải là người họ Nguyễn (Phúc Nghĩa hầu Nguyễn).

Trong quá trình đi tìm dã sử tư liệu trên địa bàn Nghệ - Tĩnh, chúng tôi đã sao chụp được rất nhiều gia phả các dòng họ, trong đó có dòng họ Nguyễn Cảnh với rất nhiều chi phái ở nhiều địa phương khác nhau như Thanh Chương, Đô Lương, Nam Đàn,... Trong nhiều cuốn gia phả đó, đều xuất hiện tước hiệu Phúc Nghĩa, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Gia phả dòng họ Nguyễn Cảnh tại xã Thanh An có tựa đề 家譜提綱 (Gia phả đề cương) (không ghi rõ người soạn và năm soạn) ghi như sau:

Nguyên văn: 八諱端參督神武四衛務事福義侯母在大同社.

Phiên âm: Bát huy Đoan, Tham đốc Thần vũ Tứ vệ vụ sự, Phúc Nghĩa hầu. Mẫu tại Đại Đồng xã.

Dịch nghĩa: Người con thứ 8 tên huy là Đoan, giữ chức, Tham đốc Thần vũ Tứ vệ vụ

sự, tước Phúc Nghĩa hầu. Mẹ ở xã Đại Đồng.

Thứ hai: Gia phả dòng họ Nguyễn Cảnh tại xã Thanh An có tựa đề 阮景族家譜新寫 (Nguyễn Cảnh tộc gia phả tân tả) do Nho sĩ Nguyễn Cảnh Thân 阮景伸 biên soạn vào thượng tuần thạp chạp năm Quý Dậu niên hiệu Bảo Đại thứ 8 皇朝保大八年歲次癸酉十二月上浣 (Hoàng triều Bảo Đại bát niên tuế thứ Quý Dậu thập nhị nguyệt thượng hoán) ghi như sau:

Nguyên văn: 八諱端曰參督神武四衛務事福義侯母在大同

Phiên âm: Bát huy Đoan, viết: Tham đốc Thần vũ Tứ vệ vụ sự Phúc Nghĩa hầu. Mẫu tại Đại Đồng.

Dịch nghĩa: Người con thứ 8 tên huy là Đoan, giữ chức Tham đốc Thần vũ Tứ vệ vụ sự, tước là Phúc Nghĩa hầu. Mẹ ở xã Đại Đồng.

Thứ ba: Gia phả dòng họ Nguyễn Cảnh tại xã Xuân Hoa có tựa đề 本族故黎文件名色記 (Bản tộc cố Lê văn kiện danh sắc ký) ghi như sau:

Nguyên văn: 八男端福義侯

Phiên âm: bát nam Đoan, Phúc Nghĩa hầu.

Dịch nghĩa: con trai thứ 8 tên là Đoan, tước Phúc Nghĩa hầu.

Thứ tư: Gia phả dòng họ Nguyễn Cảnh tại xã Xuân Hoa, không có tựa đề, ghi như sau:

Nguyên văn: 八男諱端福義侯

Phiên âm: bát nam huy Đoan Phúc Nghĩa hầu

Dịch nghĩa: con trai thứ 8 tên huy là Đoan, tước là Phúc Nghĩa hầu.

Thứ năm: Gia phả dòng họ Nguyễn Cảnh tại xã Xuân Hoa, không có tựa đề, ghi như sau:

Trong phần 本族黎朝功臣 (bản tộc Lê triều công thần) có liệt kê các vị công thần triều Lê của dòng họ, trong đó 福義侯 Phúc Nghĩa hầu được ghi sau tước 延福侯 (Diên Phúc hầu) và trước tước 扶郡公 (Phù Quận công).

Qua các gia phả kể trên chúng ta thấy rằng, tước hiệu Phúc Nghĩa hầu đều ứng với 1

người có tên là Nguyễn Cảnh Đoan; một số gia phả ở trên còn ghi thêm đây là con trai thứ 8 của Tấn Quốc công Nguyễn Cảnh Hoan và người vợ ở xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương.

Chúng ta đều biết rằng “nước có sử, nhà có phả”: đây là tư liệu thành văn có độ xác tín cao, bởi dòng họ ghi chép gia phả không thể ghi chép thiếu sót hay sai lệch được, nhất là vấn đề thế thứ và húy, hiệu, kị, mộ. Trong nhiều cuốn gia phả của dòng họ Nguyễn Cảnh ở nhiều nơi khác nhau nhưng đều ghi tước hiệu Phúc Nghĩa hầu ứng với tên họ là Nguyễn Cảnh Đoan.

Đặc biệt, trong bộ tiểu thuyết chương hồi “Thiên Nam liệt truyện Nguyễn Cảnh thị Hoan Châu ký” (gọi tắt là *Hoan Châu ký*) thì tước hiệu Phúc Nghĩa hầu cũng được nói đến trùng với với tên họ là Nguyễn Cảnh Đoan y hệt như trong các gia phả của dòng họ Nguyễn Cảnh mà chúng tôi đã kể ra như trên. Vậy liệu tác phẩm *Hoan Châu ký* có đủ cơ sở để khẳng định Phúc Nghĩa hầu là cụ Nguyễn Cảnh Đoan hay không?

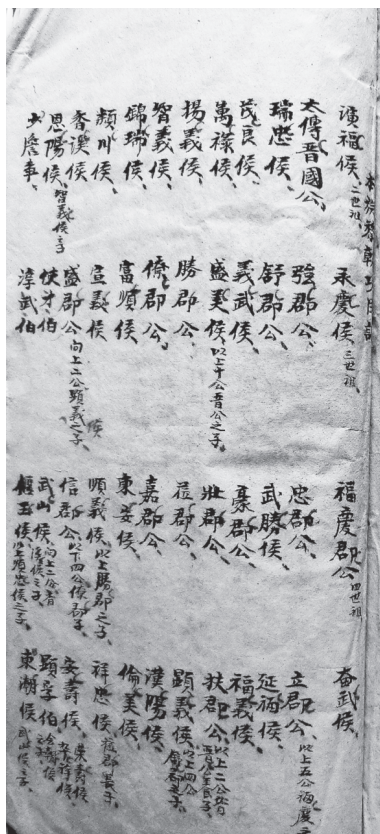
Về tác phẩm *Hoan Châu ký* thì trong kết cấu của các tác phẩm văn học thời bấy giờ, bất kỳ một trước thuật văn chương nào cũng đều mang trong mình những yếu tố đặc trưng, thể hiện quy luật đặc thù bất biến của quan niệm văn học nghệ thuật thời trung đại là “Văn - sử - triết bất phân”, tức một tác phẩm đều mang trong mình văn học, sử học và triết học - 3 yếu tố hoà quyện khó tách rời. Do đó, loại hình tiểu thuyết chương hồi như *Hoan Châu ký* có sự hòa trộn giữa

60-70% yếu tố hiện thực cộng với 30-40% yếu tố hư cấu. Hiện thực thể hiện ở những biến động thực tế, những tên tuổi, tước hiệu, chức quan, thế thứ cụ thể... đúng với sự thực lịch sử. Còn lại, việc xây dựng hình tượng nhân vật với tính cách, nhân cách, trình độ, cũng như các lời đối thoại, lời kể... thì sẽ được hư cấu nhiều hơn nhằm thể hiện rõ ý muốn của người viết. Chính vì vậy, chúng ta vẫn có thể tin tưởng những sự kiện và nhân vật được nhắc tới trong *Hoan Châu ký* đều là những nhân vật có thật trong lịch sử, trong đó có Phúc Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đoan.

Ngoài tính chất là một tác phẩm văn học, sử học, *Hoan Châu ký* còn được xem là một bộ phả hệ của dòng họ Nguyễn Cảnh. Nó ghi chép chi tiết đến từng người với đầy đủ thông tin liên quan như tên húy, tên tự, tên hiệu, tước hiệu, chức quan, tên mẹ đẻ... Hơn nữa, *Hoan Châu ký* do chính người trong dòng họ Nguyễn Cảnh viết nên, vì thế họ không thể xây dựng một nhân vật không có thật để làm xáo trộn thế thứ và sai lạc các thành viên trong dòng họ.

Xét thêm thời điểm xuất hiện bức quốc thư của Phúc Nghĩa hầu gửi nhà đương cục Nhật Bản là vào khoảng đời vua Lê Thế Tông (1567-1599), rất trùng khớp với mốc thời gian mà Thái phó Tấn quốc công Nguyễn Cảnh Hoan cùng các con như Nguyễn Cảnh Kiên, Nguyễn Cảnh Hải... và cả Phúc Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đoan nắm giữ các chức võ quan cao cấp phục vụ cho sự nghiệp trung hưng nhà Lê.

Điều đặc biệt hơn là dòng họ Nguyễn Cảnh vào thời điểm lúc bấy giờ còn có Thư Quận công Nguyễn Cảnh Kiên (theo thế thứ trong gia phả là anh ruột của Phúc



Trang gia chép "Bản tộc Lê triều công thần phả", Phúc Nghĩa hầu được chép ở vị trí thứ 4 từ phải sang hàng cuối cùng

Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đoan) và Quảng Phú hầu Nguyễn Cảnh Hà (cháu ruột của Phúc Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đoan) cũng đều là những người viết thư cho Quốc vương Nhật Bản vào năm Hoàng Định năm thứ 11 (1610).

Đặc biệt hơn, trong cuốn gia phả họ Nguyễn Cảnh chi Liêu Quận công (Nhà thờ họ Nguyễn Cảnh ở xã Đại Sơn, huyện Đô Lương lưu giữ) trong đó có ghi: 是時外國州郡工商迭來 (bấy giờ, dân buôn các châu quận từ nước ngoài qua lại liên tục). Đoạn chép này gia phả nói đến các vị quan dòng họ Nguyễn Cảnh đang trấn giữ Nghệ An với chính sách mở cửa nên thuyền buôn nước ngoài tới đây buôn bán và trao đổi sản vật rất đông đảo. Sự kiện này cũng có niên đại và những chi tiết tương đương với nội dung bức quốc thư mà Phúc Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đoan gửi sang Nhật Bản.

Chính vì vậy, chúng tôi khẳng định nhân vật Phúc Nghĩa hầu họ Nguyễn được nói tới trong bức quốc thư chính là Phúc Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đoan - con trai thứ 8 của Thái phó Nguyễn Cảnh Hoan và mẹ người xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An. Chúng tôi đã nhiều lần điền dã tại 2 huyện Thanh Chương và Đô Lương để tìm hiểu thêm về Phúc Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đoan nhưng đáng tiếc chưa có thông tin gì thêm về nhân vật lịch sử này. Theo ban quản tộc dòng họ Nguyễn Cảnh thì cho tới nay chỉ mới tìm được thông tin của 4 người, 6 người còn lại trong đó có Phúc Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đoan chưa rõ hậu duệ và nơi thờ tự. Chúng tôi sẽ tiếp tục tìm hiểu để cung cấp thêm thông tin về nhân vật lịch sử này.

Các sản vật được nhắc tới trong bức quốc thư

Quốc thư có nhắc đến việc Quốc vương Nhật Bản thích voi chiến của nước ta. Nước ta sử dụng voi chiến từ khá sớm, có thể từ thời Bà Trưng, Bà Triệu và đặc biệt nổi bật vào 2 cuộc chiến chống quân Minh và quân Thanh

xâm lược. Nếu như Trung Quốc mạnh về kỵ binh thì Việt Nam mạnh về tượng binh. Một cuốn sách của Trung Hoa từng viết về voi chiến của nước ta như sau: 兵分水陸不分不分戰守也兵以象為重每象額兵二百五十名有正象奴一副象奴二其餘兵丁分執火器刀槍行則前後序進戰則左右排列凡交界隘口及衝要都縣皆撥象鎮守

Dịch nghĩa: Quân thì chia theo đường thủy đường bộ mà không chia theo thế công thủ. Trong quân lấy voi làm chủ lực. Mỗi ngách voi đặt 250 tên lính, trong đó gồm 1 tượng nô chính, 2 phó tượng nô, còn lại chia nhau cầm hỏa khí, đao thương. Đi thì thứ tự trước sau, đánh thì dàn hàng phải trái. Tại mỗi cửa ải giáp ranh và quận huyện xung yếu đều lấy voi trấn giữ⁽³⁾.

Bình chế thời Lê Trung Hưng ở Đàng Ngoài còn đặt ra đội “Tượng cơ” (đội voi) và được sử dụng triệt để trong các cuộc đánh dẹp khởi nghĩa ở Đàng Ngoài thế kỷ 18, nhất là trong cuộc bình định Thuận Hoá - Quảng Nam năm 1774 - 1775.

Còn ở Đàng Trong, từ năm 1636, chúa Nguyễn đã định ra đội tượng binh, gọi là đội “Kính tượng”. Đến đời chúa Nguyễn Phúc Khoát thì chính quyền Đàng Trong đã sử dụng voi chiến được tổ chức rất hoàn chỉnh. Giáo sĩ Koffle có nói: “... nhà vua nuôi 50 con voi chiến ở trong triều và mấy trấn gần Bắc Hà. Khi có trận mạc, nhà vua ngự đi đánh, còn thì các thế tử, hoàng tộc, quan văn võ và các quan trấn thủ dùng...”⁽⁴⁾.

Qua các thời kỳ lịch sử thì voi chiến Việt Nam tỏ ra là 1 lực lượng quan trọng và không thể không có trong chiến trận. Phải chăng vì sức mạnh đó mà Quốc vương Nhật Bản muốn có được voi chiến của nước ta.

Ngoài ra, Phúc Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đoan có gửi tặng Quốc vương Nhật Bản 2 cây lọng. Ở nước ta, nghề làm lọng có từ rất sớm và được dùng phổ biến ở tầng lớp quý tộc hay những nhà khá giả, hoặc được sử dụng trong

đình, đền, chùa. Ở Thăng Long xưa có phố Hàng Lọng chuyên làm lọng, ô. Phố Hàng Lọng chính là đoạn thuộc đường Lê Duẩn tại Hà Nội hiện nay.

Bên cạnh đó, trong bức thư cũng cho biết phía nước ta cũng đề nghị Nhật Hoàng gửi biểu kiếm Nhật và áo giáp. Chúng ta đều biết Nhật Bản xưa vốn nổi tiếng thế giới với “Thương hiệu kiếm Nhật”. Người Việt Nam ta hay người Trung Hoa cũng chú trọng đến kiếm, nhưng chỉ coi đó như một kỹ năng - như 1 thứ binh khí bình thường khác. Song, đối với người Nhật, thanh kiếm và cách sử dụng kiếm khí được nâng lên hàng “đạo- lý”: “kiếm đạo”. Chính vì vậy, kiếm Nhật không chỉ là một vũ khí thông thường mà còn là một tác phẩm nghệ thuật và cao hơn đó là một phần văn hoá đặc trưng của Nhật Bản.

Nước ta giao lưu thương mại với các thương nhân Nhật Bản chắc hẳn đều biết đến

“thương hiệu Kiếm Nhật” nên đã không ít lần đề nghị phía Nhật Bản gửi tặng kiếm. Trong khoảng niên Vĩnh Tộ đời vua Lê Thần Tông (1607-1662), quan Thái thú ba xứ Satsu-Guu-Nichi là Toushi Iehisa đã gửi tặng chính quyền Lê Trịnh 10 thanh kiếm, 10 bộ áo giáp và 10 cái đình ba. Sau khi nhận được món quà đó, Chúa Trịnh lại “... Mong sang năm lại gửi cho 10 thanh kiếm Nhật tốt, 10 thanh kiếm thìa và 10 thanh kiếm giắt lưng là những vật tốt nhất đối với bản quốc...” (願來年又寄日本甚好劍拾柄匕刀拾柄細腰刀拾柄以爲本國上最好之美物。 “Nguyện, lai niên hựu kí Nhật Bản thậm hảo kiếm thập bính, chuỷ đao thập bính, tế yêu đao thập bính dĩ vi bản quốc thượng tối hảo chi mỹ vật”)⁽⁵⁾. Nước ta lúc bấy giờ đang là thời kỳ chiến tranh ác liệt giữa các tập đoàn phe phái phong kiến, phải chăng vì muốn nâng cao sĩ khí và quân thanh nên người Việt lúc bấy giờ lại chuộng kiếm Nhật đến như vậy?

(Xem tiếp kỳ 2)

Chú thích

(1). Phát hiện thư tịch cổ ngoại giao Việt Nam ở Nhật Bản. Link: <http://www.vietnamplus.vn/phat-hien-thu-tich-co-ngoai-giao-viet-nam-o-nhat-ban/197079.vnp>

(2). Nguyên văn là 座下 “Toà hạ”, từ kính xưng đối với bậc tôn quý.

Bệ hạ: từ kính xưng đối với đế vương.

Điện hạ: từ kính xưng đối với thái tử trước khi làm vua.

(3). Vân Nam thông chí - Q.176 - Nam man chí.

(4). Nguyễn Tường Phượng, *Lược khảo binh chế Việt Nam qua các thời đại*, Nxb. Ngày mai, Hà Nội, 1950, tr 44.

(5). Trích bức thư của Thanh Đô Vương Trịnh Tráng gửi cho họ Giác Tàng (Suminokura) ở Nhật Bản năm Vĩnh Tộ năm thứ 6.